

**Điều 4.** Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm chỉ đạo chủ đầu tư thực hiện dự án theo quy định hiện hành; lập đề án tổng thể về phát triển công trình kết cấu hạ tầng bên ngoài hàng rào đồng bộ với các công trình kết cấu hạ tầng bên trong hàng rào, bảo đảm hoạt động có hiệu quả cho Khu công nghiệp.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 6.** Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, các Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Quốc phòng, Bộ Công nghiệp, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Tổng cục trưởng Tổng cục Địa chính, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Công ty cổ phần Khu công nghiệp Phong Phú và Thủ trưởng các cơ quan liên quan trong phạm vi chức năng và quyền hạn của mình chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thủ tướng Chính phủ  
Phó Thủ tướng

NGUYỄN TẤN DŨNG

**QUYẾT ĐỊNH** của Thủ tướng Chính phủ số 24/2002/QĐ-TTg ngày 01/2/2002 phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2001 - 2010 (điều chỉnh).

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa tại Tờ trình số 3108/UB-TCTN ngày 14 tháng 11 năm 2001;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 8354/BKH-VPĐT ngày 10 tháng 12 năm 2001,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2001- 2010 (điều chỉnh) với những nội dung chủ yếu sau:

#### 1. Định hướng và mục tiêu phát triển:

##### a) Định hướng phát triển:

- Tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, đẩy nhanh tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; hình thành cơ cấu kinh tế công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp.

- Tăng tốc độ phát triển trên tất cả các lĩnh vực nhằm đạt tốc độ tăng trưởng hàng năm cao hơn mức trung bình cả nước để rút ngắn dần khoảng cách so với cả nước.

- Gắn chuyển dịch cơ cấu kinh tế với nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh: ưu tiên phát triển các ngành, lĩnh vực có tiềm năng lợi thế, đáp ứng yêu cầu của thị trường; chủ động cùng cả nước hội nhập kinh tế khu vực và thế giới.

- Xây dựng hệ thống đô thị, các khu công nghiệp trở thành các trung tâm kinh tế với chức năng là hạt nhân thúc đẩy phát triển các vùng nông thôn trong tỉnh.

- Quan tâm đúng mức đến địa bàn nông thôn, các vùng trung du, miền núi nơi có nhiều khó khăn.

- Tăng trưởng kinh tế gắn với nâng cao đời

sống nhân dân; bảo vệ môi trường; tạo việc làm cho người lao động; phát triển nguồn nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường và củng cố quốc phòng an ninh, giữ vững ổn định chính trị.

**b) Mục tiêu phát triển:**

Mục tiêu tổng quát phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh thời kỳ 2001 - 2010 là:

- Phấn đấu đuổi kịp mức trung bình của cả nước. Đến năm 2010 tổng sản phẩm trong tỉnh (GDP) tăng 2,6 đến 2,8 lần so với năm 2000; cụ thể tập trung vào các mục tiêu chủ yếu sau:

+ Phấn đấu đạt mức tăng trưởng bình quân tổng sản phẩm trong tỉnh (GDP) thời kỳ 2001 - 2010: 10,5% trở lên (phương án cũ 13 - 15%).

+ Cơ cấu kinh tế chuyển dịch như sau (%):

Các ngành, lĩnh vực kinh tế	Theo phương án đã duyệt năm 1996	Phương án điều chỉnh	
		Năm 2005	Năm 2010
Nông nghiệp	15	33,3	24 - 25
Công nghiệp	42	33,0	39 - 41
Dịch vụ	43	33,7	34 - 37

+ GDP bình quân đầu người: Phương án cũ: 1000 - 1200 USD/người; phương án điều chỉnh: năm 2005: 460 USD/người; năm 2010: 750 USD/người.

+ Phát triển mạnh kinh tế đối ngoại, mở rộng thị trường xuất khẩu; phấn đấu kim ngạch xuất khẩu của tỉnh đạt 160 triệu USD năm 2005 và 300 triệu USD năm 2010.

+ Giảm tốc độ phát triển dân số xuống dưới 1%/năm (phương án cũ là 1,7%).

+ Tạo chuyển biến về văn hóa và các vấn đề xã hội, phát triển nhanh giáo dục đào tạo, y tế, thể

dục thể thao nhằm cải thiện thêm một bước đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, môi trường xã hội an toàn, lành mạnh; môi trường tự nhiên được bảo vệ.

- Nâng cao năng lực về khoa học, công nghệ đủ khả năng đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa: ứng dụng các công nghệ tiên tiến, từng bước tiếp cận trình độ khu vực và quốc tế.

- Phát triển kết cấu hạ tầng đáp ứng yêu cầu đón nhận các đầu tư quy mô lớn phân bố trên địa bàn. Đồng thời góp phần tích cực vào chiến lược phát triển ngành, vùng của cả nước.

**2. Những nhiệm vụ chủ yếu:**

*a) Về phát triển nông, lâm, ngư nghiệp:*

- Phấn đấu nhịp độ tăng trưởng trong cơ cấu GDP bình quân thời kỳ 2001 - 2010 là 5,0 - 5,5%. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn từ kinh tế thuần nông sang kinh tế nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ. Tập trung sản xuất nông sản hàng hóa theo nhóm hàng, nhóm sản phẩm trên cơ sở dự báo cung cầu thị trường nông sản trong nước, khu vực và thế giới; tích cực ứng dụng khoa học công nghệ để giảm giá thành, tăng chất lượng, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa.

+ Thực hiện thâm canh cao trên diện tích lúa được tưới tiêu chủ động. Phấn đấu đạt mục tiêu 1,5 triệu tấn lương thực ổn định từ năm 2005 trở đi.

+ Ổn định diện tích cây mía 30.000 ha, thâm canh tăng năng suất, bảo đảm đủ nguyên liệu cho các nhà máy đường.

+ Chăm sóc 7.800 ha cao su hiện có, hình thành vùng nguyên liệu 11.000 ha năm 2010, đạt sản lượng 10.000 - 12.000 tấn mủ cao su khô.

+ Ổn định diện tích chè hiện có, khi có điều

kiện điều chỉnh quy mô chè theo chương trình của Nhà nước.

+ Xây dựng vùng trồng dứa 5.000 ha, sản lượng khoảng 300.000 tấn/năm; vùng trồng sắn 4.000 ha, sản lượng trên 100.000 tấn/năm, bảo đảm nguyên liệu hàng năm cho chế biến xuất khẩu và tiêu dùng. Phát triển mạnh các cây ăn quả gắn với yêu cầu của thị trường.

+ Cây lạc nâng diện tích lên 20.000 - 23.000 ha, sản lượng khoảng 100.000 tấn/năm.

+ Cây cói: 4.000 ha, sản lượng 38.000 - 40.000 tấn (năm 2010).

+ Khuyến khích phát triển cây đậu tương, ngô theo hướng đẩy mạnh thâm canh, hạ giá thành, tăng giá trị thu nhập trên đơn vị diện tích và gắn vùng nguyên liệu với phát triển công nghiệp chế biến.

- Chăn nuôi: xây dựng vùng chăn nuôi nguyên liệu về thịt, sữa gắn với chế biến. Nâng tỷ trọng ngành chăn nuôi trong công nghiệp lên 28% năm 2005 và lên trên 30% năm 2010.

- Lâm nghiệp: phát triển lâm nghiệp toàn diện, khai thác rừng sản xuất theo hướng đa canh, đa dạng các sản phẩm nông, lâm kết hợp, gắn với công nghiệp chế biến, xây dựng vùng nguyên liệu đáp ứng yêu cầu sản xuất 100.000 - 160.000 tấn giấy và bột giấy/năm.

- Thủy sản: đầu tư đồng bộ để phát triển nuôi trồng thủy sản, trọng tâm là nuôi tôm xuất khẩu. Đầu tư cơ sở vật chất và phương tiện đánh bắt, nâng cao hiệu quả đánh bắt dở khơi, dở lộng, đánh bắt xa bờ.

Phấn đấu tăng GDP ngành thủy sản bình quân 10,5 - 12,0%/năm, sản lượng thủy sản trên 100.000 tấn vào năm 2010, trong đó khai thác 65.000 - 70.000 tấn, nuôi trồng 35.000 tấn; tôm nguyên liệu 10.500 tấn. Đạt kim ngạch xuất khẩu trên 50 triệu USD, giải quyết việc làm cho 70.000 lao động.

#### b) Phát triển công nghiệp:

Công nghiệp phải tạo ra sự vượt trội trong cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Phấn đấu tăng GDP công nghiệp bình quân hàng năm thời kỳ 2001 - 2010 là 16,5 - 20%.

- Thời kỳ 2001 - 2005: Tập trung đầu tư phát triển công nghiệp lọc hóa dầu bao gồm: Nhà máy lọc dầu số 2, công suất 7 triệu tấn/năm, Nhà máy sản xuất Polyester công suất 200.000 tấn/năm, Nhà máy sản xuất Polypropylene công suất 150.000 tấn/năm; công nghiệp sản xuất giấy và bột giấy; nhà máy sản xuất chất tẩy rửa tổng hợp (LAP) công suất 50.000 tấn/năm; phát triển công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng; công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản; củng cố phát triển công nghiệp đóng, sửa chữa tàu thuyền, sản xuất công cụ nông nghiệp; công nghiệp sử dụng nhiều lao động: dệt, may, da giày, phục hồi nghề dệt lụa tơ tằm... tổ chức sắp xếp lại các xí nghiệp quốc doanh, thay đổi thiết bị công nghệ nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và mở rộng sản xuất; đồng thời phát triển nhanh các cơ sở công nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn góp phần công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Các sản phẩm chính: Xi măng trên 4 triệu tấn, đường 220.000 tấn, giấy và bột giấy 70.000 - 80.000 tấn, tinh bột ngô, sắn, cà phê, cao su, nước dứa, nước cà chua cô đặc, hải sản 17.000 - 18.000 tấn; trong đó, tôm đông 3.000 tấn, thịt đông 5.000 tấn, bột cá - dầu cá 1.500 - 2.000 tấn.

Tiếp tục đầu tư các Khu công nghiệp, trước hết là các Khu công nghiệp tập trung. Ưu tiên xây dựng cơ sở hạ tầng bao gồm cả giao thông, cảng, điện, nước, dịch vụ đô thị, đào tạo nguồn nhân lực ở Nghi Sơn phục vụ xây dựng Nhà máy lọc hóa dầu số 2 và Khu công nghiệp liên hợp trên diện tích đã quy hoạch.

- Thời kỳ 2006 - 2010: Đưa công nghiệp lọc hóa dầu vào vận hành; mở rộng công suất các

ngành công nghiệp có thể mạnh như: xi măng 6-7 triệu tấn; đá ốp lát 1,5 - 2 triệu m<sup>2</sup>; chế biến gỗ, tre luồng, đưa sản phẩm giấy và bột giấy lên 100.000 - 160.000 tấn; đường 300.000 tấn; tinh bột ngô xuất khẩu 30.000 - 50.000 tấn; tinh bột sắn 30.000 tấn; cà phê 10.000 tấn; cao su 4.000 - 10.000 tấn; hải sản đông lạnh 10.000 tấn, trong đó tôm đông 5.000 tấn, thịt đông, lợn sữa; phân bón 250.000 tấn; thép cán 100.000 tấn. Xây dựng tổ hợp dệt - nhuộm; nhà máy phân lân vi sinh; vật liệu nhựa xây dựng; vật liệu chịu lửa ở Khu công nghiệp Lễ Môn; xây dựng nhà máy phân bón tổng hợp (DAP); nhà máy nhiệt điện; thép hình; cấu kiện bê tông; đóng mới và sửa chữa tàu thuyền; lắp ráp cơ khí... tại Khu công nghiệp Nghi Sơn.

#### c) Phát triển các ngành dịch vụ:

Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng ngành dịch vụ trong thời kỳ 2001 - 2010 bình quân hàng năm là 9,0 - 11,0%, góp phần phân bố lại lao động trong các ngành kinh tế của tỉnh.

- Thương mại: Xúc tiến các hoạt động tìm kiếm thị trường tiêu thụ hàng hóa xuất khẩu trong tỉnh. Phấn đấu tổng mức lưu chuyển hàng hóa xã hội thời kỳ 2001 - 2010 tăng bình quân 25 - 30%; giá trị xuất khẩu tăng 24 - 26%/năm.

- Du lịch: Xây dựng chương trình du lịch của tỉnh phù hợp với chương trình phát triển du lịch chung của cả nước; ưu tiên đầu tư các khu du lịch: Hàm Rồng, Sầm Sơn, Lam Kinh, Thành nhà Hồ.

- Điều chỉnh lại cơ cấu vận tải; phục hồi và phát triển vận tải thủy, chủ động tham gia lưu thông hàng hóa của Thanh Hóa với cả nước, khu vực và quốc tế; phát triển các dịch vụ cảng biển và sông, khai thác hiệu quả cảng biển nước sâu Nghi Sơn, cảng Lễ Môn.

- Phát triển mạnh mạng lưới bưu chính - viễn thông với kỹ thuật hiện đại. Tiếp tục phát triển mạnh các bưu cục khu vực gắn liền với sự ra đời

của các khu công nghiệp, dịch vụ, các vùng kinh tế mới của tỉnh. Đến năm 2005: 100% số xã có điện thoại, đạt 1,82 máy/100 dân, năm 2010 đạt 7,5 máy/100 dân, đảm bảo nhân dân các xã vùng sâu, vùng xa nhận được báo phát hành thường xuyên.

- Phát triển nhanh các loại hình dịch vụ tài chính, ngân hàng, tư vấn, công nghệ thông tin, dịch vụ, kỹ thuật, đẩy mạnh thị trường vốn đặc biệt ở nông thôn.

#### d) Xây dựng kết cấu hạ tầng:

- Đô thị: Ưu tiên xây dựng hạ tầng hệ thống đô thị thành phố Thanh Hóa đáp ứng yêu cầu đô thị loại II vào năm 2005; xây dựng hạ tầng các khu đô thị mới: Nghi Sơn, Thạch Thành, Mục Sơn... theo quy hoạch, cải thiện hạ tầng các thị xã, thị tứ, thị trấn, huyện lỵ để đến năm 2010 toàn tỉnh có dân số thành thị trên 1 triệu người, đạt tỷ lệ đô thị hóa 25 - 33%.

- Giao thông: Xúc tiến nâng cấp các trục giao thông Bắc - Nam. Ưu tiên đầu tư nâng cấp các tuyến trục chính lên phía Tây của tỉnh; hệ thống giao thông các khu công nghiệp, các vùng nguyên liệu. Nhựa hóa hoặc bê tông hóa mặt đường trục chính (đối với các huyện đồng bằng 100%, miền núi 50%), hoàn thành các cầu còn lại qua các sông lớn, 100% số xã có đường ô tô đến được trung tâm. Xây dựng các bến cảng và nạo vét các tuyến đường thủy chủ yếu, tiếp tục nâng cấp cảng Lễ Môn và cảng nước sâu Nghi Sơn. Xây dựng sân bay dân dụng khi có nhu cầu.

- Thủy lợi: Xây dựng hồ đập Cửa Đạt, đập sông Lèn, đạt mục tiêu giải úng cho một số vùng úng lớn là trọng tâm. Đồng thời hoàn chỉnh hệ thống tưới, kiên cố hóa kênh mương, mở rộng diện tích tưới cho một số cây công nghiệp, ưu tiên thủy lợi cho nuôi trồng thủy sản. Bồi đắp, tu bổ thường xuyên đê, kè chắn sóng.

- Cấp thoát nước và vệ sinh môi trường: Xây dựng hệ thống cấp nước sạch cho dân sinh và phát triển các ngành kinh tế - xã hội. Phấn đấu đến năm 2010 có 90% dân số nông thôn và 100% dân số thành thị được sử dụng nước sạch. Hầu hết các đô thị có hệ thống cấp thoát nước, riêng thành phố Thanh Hóa đạt chỉ tiêu cấp nước 120-130 lít/người/ngày đêm. Xử lý nước thải công nghiệp và đô thị trước khi thải vào sông, biển.

- Điện: Xây dựng các trạm 110 KV theo quy hoạch được Bộ Công nghiệp phê duyệt. Đưa điện lên các huyện miền núi, cải thiện hệ thống lưới điện ở đô thị, ưu tiên thành phố Thanh Hóa, thị xã Sầm Sơn, khu đô thị Nghi Sơn, các khu công nghiệp và vùng đông dân. Tốc độ tăng trưởng điện thương phẩm bình quân hàng năm 13-15%, nâng bình quân đầu người lên 359 KWh/năm vào 2005; 800 KWh/năm vào 2010.

- Hạ tầng văn hóa xã hội: Xây dựng trường Đại học Hồng Đức ngang tầm với các trường đại học khác ở trong nước; xây dựng Viện hoặc Phân viện, Trung tâm nghiên cứu về khoa học, công nghệ (công nghệ sinh học, công nghệ thông tin), các trường chuyên nghiệp và dạy nghề, các trường phổ thông và trường mầm non. Nâng cấp các bệnh viện tuyến tỉnh, các trung tâm y tế huyện, đặc biệt là các trung tâm y tế khu vực, tăng cường cơ sở vật chất cho y tế tuyến xã, các trung tâm thể dục thể thao. Tôn tạo các di tích văn hóa lịch sử như Lam Kinh, Thành nhà Hồ, các danh lam thắng cảnh như: Bến Én, động Từ Thức.

*e) Phát triển các lĩnh vực văn hóa xã hội:*

- Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động văn hóa, xã hội, từng bước tạo chuyển biến về văn hóa, giáo dục - đào tạo, y tế và các vấn đề xã hội nhằm cải thiện thêm một bước đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

- Giảm tỷ lệ sinh hàng năm từ 0,4 - 0,5‰.

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho việc thực hiện kế hoạch hóa gia đình, bảo vệ sức khỏe bà mẹ và trẻ em; cơ sở vật chất cho việc khám chữa bệnh, cụ thể là: Nâng cấp, hiện đại hóa Bệnh viện đa khoa tỉnh, xây dựng bệnh viện khu vực Ngọc Lạc phục vụ 8 huyện miền núi phía Tây của tỉnh; xây dựng bệnh viện Nhi; cải tạo nâng cấp và bổ sung trang thiết bị khám chữa bệnh cho các bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến huyện.

- Giáo dục: Bắt kịp và vượt các mục tiêu quốc gia, tạo sự chuyển biến cơ bản và toàn diện trong giáo dục. Hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở 100% số xã vào năm 2007. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ cho việc dạy và học, cơ bản hoàn thành đầu tư kiên cố hóa các trường tiểu học, trung học cơ sở và các trường mẫu giáo.

- Đào tạo: Củng cố đào tạo hệ đại học, thành lập các Viện hoặc Phân viện nghiên cứu, mở rộng hệ cao đẳng. Phát triển mạnh công tác đào tạo nghề, đưa lao động được qua đào tạo 30 - 35% vào năm 2010. Giảm tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị dưới 4%, tăng tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở nông thôn lên 80%, hàng năm giải quyết việc làm mới từ 3,5 - 4.0 vạn lao động.

- Cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân, phấn đấu đến năm 2010 không còn hộ đói, còn 7 - 8% hộ nghèo (theo tiêu chuẩn mới), không còn xã nghèo, 100% số xã có cơ sở hạ tầng thiết yếu. Các chỉ tiêu hưởng thụ trên đầu người dân trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe đạt mức bình quân chung của cả nước.

- Nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao, thông tin tuyên truyền, giữ gìn phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của các dân tộc trong tỉnh. Xây dựng mới mỗi năm 300 làng văn hóa để đến năm 2010 có 4.000 làng văn hóa, 90% số hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa. Xây dựng mới và trùng tu, tôn tạo một số công trình văn hóa trọng điểm.

- Đầu tư tăng cường năng lực, nâng cao chất lượng, thời lượng phát sóng phát thanh truyền hình. Đến năm 2010: 95% số dân được xem truyền hình; phủ sóng phát thanh 100%.

*g) Phát triển các vùng lãnh thổ:*

- Vùng biển: Phát triển toàn diện kinh tế biển; tập trung đánh bắt, nuôi trồng thủy sản trọng tâm là nuôi tôm thâm canh, bán thâm canh và chế biến xuất khẩu. Xây dựng các vùng trồng lúa, lạc, đậu, cói, rau quả...; phát triển chăn nuôi lợn, gia cầm. Xây dựng Khu công nghiệp tập trung Nghi Sơn - Tĩnh Gia (lọc hóa dầu, xi măng, vật liệu xây dựng, dịch vụ cảng biển, chế biến hải sản, cơ khí đóng và sửa chữa tàu thuyền). Khai thác cảng biển nước sâu; đẩy mạnh đầu tư hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị mới Nghi Sơn, cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản. Phát triển mạnh tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, thương mại, du lịch.

- Vùng trung du, miền núi: Phát triển toàn diện kinh tế - xã hội miền núi, rút ngắn dần khoảng cách về đời sống kinh tế - xã hội so với vùng xuôi. Ưu tiên phát triển vùng nguyên liệu giấy, gắn với bảo vệ rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ, nâng cao hiệu quả chương trình trồng 5 triệu ha rừng. Tập trung đầu tư xây dựng công nghiệp chế biến mía đường, hoa quả, bánh kẹo, lâm sản... gắn với xây dựng vùng chuyên canh cây, con: vùng cao su, cây ăn quả, quế, luồng, cánh kiến, chè, sắn, dứa; đẩy mạnh phát triển kinh tế trang trại tạo nguồn nguyên liệu tập trung ổn định cung cấp cho các cơ sở chế biến.

Khai thác và chế biến vật liệu xây dựng: đá vôi, cát, sỏi, đá hoa. Tập trung phát triển kết cấu hạ tầng, ưu tiên cho việc mở rộng và nâng cấp mạng lưới giao thông, điện, nước sạch... Đẩy mạnh hoạt động thương mại, giao lưu hàng hóa. Tổ chức thực hiện tốt các chính sách xã hội để nâng cao trình độ dân trí và mức sống dân cư, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc.

- Vùng đồng bằng: Tập trung chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, nâng cao hiệu quả kinh tế, giải quyết việc làm cho người lao động.

Tăng cường đầu tư xây dựng vùng lúa cao sản, vùng mía, thuốc lá, cây ăn quả, chăn nuôi lợn, gia cầm, bò sữa... gắn với công nghiệp chế biến. Đồng thời phát triển mạnh các Khu công nghiệp tập trung: Lê Môn, Bim Sơn - Thạch Thành, Mục Sơn - Lam Sơn, phát triển thương mại, du lịch và các ngành dịch vụ khác.

**Điều 2.** Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa có nhiệm vụ:

- Chủ trì, có sự giúp đỡ của các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu xây dựng các chương trình phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ 2001 - 2010, lập quy hoạch chi tiết, xây dựng các chương trình mục tiêu và các dự án đầu tư phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đồng thời đề ra các giải pháp đồng bộ nhằm phát huy tối đa các nguồn lực thúc đẩy sự phát triển của tỉnh.

- Nghiên cứu và kiến nghị với Thủ tướng Chính phủ ban hành các cơ chế chính sách cụ thể, phù hợp với điều kiện của tỉnh nhằm khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư sản xuất, tìm kiếm và mở rộng thị trường, phát triển nguồn nhân lực, bảo vệ môi trường để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra.

- Thực hiện đổi mới tổ chức, quản lý, đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài.

- Chỉ đạo đầu tư tập trung có trọng điểm để nhanh chóng mang lại hiệu quả thiết thực; ưu tiên đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội tạo điều kiện phát triển một số ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh.

**Điều 3.** Các Bộ, ngành Trung ương có trách

nhệm cùng tỉnh Thanh Hóa tổ chức thực hiện quy hoạch này để đạt được những mục tiêu đề ra. Quy hoạch phát triển các ngành kinh tế kỹ thuật xã hội của các Bộ, ngành phải được cụ thể hóa trên địa bàn tỉnh bằng kế hoạch, các chương trình mục tiêu và các dự án đầu tư cụ thể trong từng giai đoạn. Trong quá trình thực hiện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa có trách nhiệm theo dõi, phối hợp để có giải pháp điều chỉnh kịp thời.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Thủ tướng Chính phủ

PHAN VĂN KHẢI

**QUYẾT ĐỊNH** của Thủ tướng Chính phủ số 25/2002/QĐ-TTg ngày 01/2/2002 về một số chế độ, chính sách đối với cán bộ làm việc tại các cơ sở chữa bệnh được thành lập theo Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 06 tháng 7 năm 1995.

### THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 09 tháng 12 năm 2000;*

*Căn cứ Nghị quyết số 05/CP ngày 29 tháng 1*

*năm 1993 của Chính phủ về ngăn chặn và phòng, chống tệ nạn ma túy;*

*Căn cứ Nghị quyết số 06/CP ngày 29 tháng 1 năm 1993 của Chính phủ về tăng cường chỉ đạo công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy;*

*Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ,*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cán bộ, nhân viên (trong chỉ tiêu biên chế và làm việc theo chế độ hợp đồng) đang làm việc tại các cơ sở chữa bệnh được thành lập theo Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 6 tháng 7 năm 1995, được hưởng phụ cấp đặc thù nghề nghiệp trong khoảng từ 200.000 đồng - 500.000 đồng/cán bộ/tháng. Mức phụ cấp cụ thể do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định tùy thuộc vào địa bàn đặt cơ sở chữa bệnh (vùng đồng bằng, vùng núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo).

**Điều 2.** Riêng đối với cán bộ, nhân viên chuyên ngành y tế làm việc tại các cơ sở chữa bệnh được hưởng thêm các phụ cấp sau:

a) Phụ cấp thường trực y tế: áp dụng đối với cán bộ, nhân viên y tế thường trực chuyên môn y tế ngoài giờ tiêu chuẩn, thực hiện theo Quyết định số 794/TTg ngày 05/2/1995 của Thủ tướng Chính phủ quy định một số chế độ phụ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức ngành y tế.

b) Đối với những cán bộ, nhân viên (bao gồm cả cán bộ phục vụ) trực tiếp điều trị cắt cơn cho người nghiện ma túy được áp dụng như cán bộ, viên chức điều trị chuyên khoa tâm thần, được hưởng phụ cấp theo Quyết định số 924/TTg ngày 13/12/1996 của Thủ tướng Chính phủ về bổ sung chế độ phụ cấp đặc thù nghề đặc biệt đối với công chức, viên chức ngành y tế.